

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ - ST

Ngày: **15-3-2019**

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Nga

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **385/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017** về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Kim Đ, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm D, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Huỳnh Kim Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị và anh D do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Tháng 01/2015, chị và anh D sống ly thân với nhau cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có 02 con chung là cháu Phạm Chí K, sinh ngày 05/12/2011 và cháu Phạm Chí N, sinh ngày 27/10/2014. Từ lúc ly thân cho đến nay 02 cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh D tạo lập được thửa đất số lô F6-47 tọa lạc tại lô F6-47 đường L, phường V, thành phố R, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 150m² và căn nhà cấp 3 xây dựng trên thửa đất. Nhà và đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN690871 ngày 24/01/2013 (do Huỳnh Kim Đ đứng tên).

Ngoài ra, còn tạo lập nhiều đồ dùng trong nhà trị giá khoảng 100.000.000 đồng.

Toàn bộ tài sản nêu trên do chị trực tiếp quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Ngày 24/11/2016, chị và anh D có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình - Chi nhánh Kiên Giang, theo Hợp đồng tín dụng số 480A/16/TD/XXIII và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 480B/16/TD/XXIII với số tiền vay là 800.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN690871 ngày 24/01/2013, theo Hợp đồng thế chấp số 4804/TC/XXIII ngày 24/11/2016.

Ngày 23/8/2018 chị đã tắt toán khoản vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình - chi nhánh Kiên Giang theo 02 hợp đồng nêu trên và ngân hàng đã giải chấp tài sản thế chấp.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh Phạm D; Về con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Phạm Chí K và Phạm Chí N, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: theo đơn khởi kiện chị yêu cầu được toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản chung và nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm D trình bày:

Anh xác định lời trình bày của chị Đ về quan hệ hôn nhân, về con chung là đúng. Về tài sản chung anh cũng thống nhất vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất tại địa chỉ lô F6-47 đường L, phường V, thành phố R. Anh xác nhận vợ chồng anh đã chuyển nhượng tài sản này để trả nợ vay cho ngân hàng thương mại cổ phần An

Bình, nên không còn tài sản chung.

Đối với yêu cầu của chị Đ anh đồng ý ly hôn; Về con chung anh đồng ý giao các cháu Phạm Chí K và Phạm Chí N cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi các con do chị Đ không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp, tổng đạt thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh D; về con chung giao các con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu; đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu của chị Đ đã rút; buộc chị Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Huỳnh Kim Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm D, yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm D là bị đơn cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Anh Phạm D có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

Ngoài ra, khi thụ lý Tòa án có thông báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Kim Đ đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ với Ngân hàng. Đồng thời, Tòa án đã có Thông báo số: 11/2019/TB - TA ngày 15/02/2019 gửi đến Ngân hàng để xác thực nội dung này; Trường hợp chị Đ và anh D đã thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng thì Tòa án sẽ không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng. Ngày

19/02/2019 đại diện hợp pháp của Ngân hàng đã có văn bản phúc đáp nội dung xác định ngày 23/8/2018 anh D, chị Đ đã tất toán nợ xong cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 480A/16/TD/XXIII và hợp đồng tín dụng hạn mức số 480B/16/TD/XXIII.

Do đó, việc giải quyết vụ án không làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ của Ngân hàng. Nên Tòa án không đưa Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phía Ngân hàng cũng thống nhất.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Kim Đ và anh Phạm D chung sống có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn như: không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hàng ngày thường cự cãi nhau...dẫn đến mất lòng tin với nhau. Hậu quả hai bên đã sống ly thân từ tháng 01/2015 cho đến nay. Như vậy giữa hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hôn nhân giữa chị Đ và anh D không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung: Chị Đ và anh D có 02 con chung là cháu Phạm Chí K, sinh ngày 05/12/2011 và cháu Phạm Chí N, sinh ngày 27/10/2014. Chị Đ xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt về mọi mặt cho các con nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng và anh D cũng thống nhất. Ngoài ra, cháu K có nguyện vọng được sống cùng với chị Đ. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phạm Chí K và cháu Phạm Chí N cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **anh D** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **anh D** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **chị Đ** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **anh D**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện chị Đ yêu cầu được toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản chung là nhà, đất tại địa chỉ lô F6-47 đường L, phường V, thành phố R và nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đ xin rút lại yêu cầu về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của chị Đ là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chị Đ đã rút.

Hậu quả của việc đình chỉ: Nguyên đơn được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần yêu cầu đã rút, theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ lập luận nêu trên nên trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích trên.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Chị Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009568 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Kim Đ được ly hôn với anh Phạm D.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Chí K, sinh ngày 05/12/2011 và cháu Phạm Chí N, sinh ngày 27/10/2014 cho chị Huỳnh Kim Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Chị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **anh D** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp, **anh D** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **chị Đ** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **anh D**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim Đ về việc chia tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

4. Về án phí: Chị Huỳnh kim Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009568 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, chị Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND Tp Rạch Giá;
- THA DS Tp Rạch Giá;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hồng Thắm